

Bản án số: 03/2024/HS-ST
Ngày 12-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bé Thị Chiều

Ông Nguyễn Phương Nghĩa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bé Thị Hoa, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Bà Mã Thị Mộng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 187/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 900/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Tẩn Văn K (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh ngày 25 tháng 10 năm 1983 tại T, B, Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tẩn Quán S (đã chết) và bà Sần Tả M, sinh năm 1936, có vợ Chảo Tả M1, sinh năm 1982 và có 04 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

2. Ngô Gia N (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh ngày 28 tháng 10 năm 1995 tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: Thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Quang T, sinh năm 1971; Con bà: Đỗ Thị N1, sinh năm 1976, có vợ Tiết Thị P, sinh năm 1996 và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến ngày 26/9/2023 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh. Hiện nay đang tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Bảo N2 (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh ngày 30 tháng 12 năm 1999 tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: Thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Bảo L, sinh năm 1975; Con bà: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/7/2021, Công an huyện Y, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”, đã chấp hành xong.

Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 13/9/2023 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh. Hiện nay đang tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Tân Văn K: Ông Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chảo Tả M1, sinh năm 1982; trú tại: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người phiên dịch cho Chảo Tả M1: có ông Chảo Quỳ K1, sinh năm 1997, trú tại: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 00 ngày 13/8/2023, tổ công tác Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại tổ dân phố F, thị trấn B thì phát hiện 01 xe máy hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 15F1- 033.77 đang di chuyển có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành dừng phương tiện để kiểm tra. Kết quả phát hiện người điều khiển xe là Tân Văn K, sinh năm 1983, trú tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng, người ngồi đằng sau xe là Đinh Đức H (Đinh D), sinh năm 2004, trú tại thôn K, trấn H, huyện P, tỉnh Trùng Khánh, Trung Quốc không có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam theo quy định, tổ công tác đã đưa người và phương tiện về trụ sở để tiếp tục làm rõ.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau: Khoảng 11 giờ ngày 13/8/2023, Ngô Gia N được một người đàn ông không rõ thông tin về họ tên, địa chỉ, sử dụng số điện thoại 0886 685 731 gọi điện đặt vấn đề thuê N lên huyện B, tỉnh Cao Bằng đón khách là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam

đưa về đến cầu T, Hà Nội giao cho người khác, hứa hẹn trả tiền công là 15.000.000đ/chuyến, N đồng ý. Sau đó, N sang gặp Nguyễn Bảo N2 nói lại cho N2 biết việc này và rủ N2 cùng lên huyện B, tỉnh Cao Bằng để đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, N2 đồng ý. Cả hai thoả thuận và thống nhất tiền công nhận được sau khi trừ đi chi phí ăn nghỉ dọc đường, phần còn lại sẽ chia đôi. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, N với N2 cùng điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 89A- 094.78 xuất phát từ nhà lên Cao Bằng. Quá trình di chuyển có nhiều số điện thoại lạ gọi cho N để hỏi đã đi đến đâu, đồng thời hướng dẫn đến địa điểm đón, đưa khách, cách tránh lực lượng chức năng. Người đàn ông sử dụng số điện thoại 0886 685 731 đã chuyển khoản số tiền 5.000.000đ vào tài khoản cá nhân của N tại ngân hàng T1 để cho N ứng trước tiền đi đường. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, N và N2 đến thị trấn B để chờ đón khách. Đến khoảng 21 giờ ngày 13/8/2023, Tân Văn K sử dụng số điện thoại 0962 373 105 gọi điện vào số điện thoại 0325 459 836 của N hẹn đến đón người nhập cảnh trái phép tại K thị trấn B (chỗ gần cây xăng ở đầu thị trấn B) do trước đó, vào khoảng 17 giờ ngày 13/8/2023, Tân Văn K đi tìm ông tại khu vực biên giới Việt Nam- Trung Quốc thuộc địa phận xã T, huyện B thì gặp 02 người đàn ông Trung Quốc, trong đó có 01 người nói chuyện với K bằng tiếng dân tộc Nùng, 01 người nói chuyện với K bằng tiếng Quý Châu, Trung Quốc, do gặp tại khu vực biên giới và qua trao đổi thì K biết họ là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Người đàn ông nói tiếng Nùng bảo K chở người đàn ông Trung Quốc nói tiếng Quý Châu đi xuống đến thị trấn B giao cho người khác, hứa hẹn sẽ trả tiền công nên K đồng ý. Người này đọc số điện thoại 0325 459 836 của N cho K để liên lạc đón người. Sau khi trao đổi xong, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15F1- 033.77 chở theo 01 người đàn ông Trung Quốc xuống đến thị trấn B để giao cho Ngô Gia N và Nguyễn Bảo N2 đến đón, khi di chuyển đến tổ dân phố F, thị trấn B thì bị lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện, ngăn chặn.

Đối với Ngô Gia N và Nguyễn Bảo N2, khi đang đợi để đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ Tân Văn K thì thấy lực lượng chức năng đến kiểm tra, biết hành vi tổ chức đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đã bị phát hiện, N và N2 điều khiển xe bỏ trốn. Đến ngày 14 và 16/8/2023, N và N2 lần lượt đến đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 135/CT-VKSCB-P1 ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Tân Văn K, Ngô Gia N, Nguyễn Bảo N2 về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố là đúng với hành vi đã thực hiện, các bị cáo không có ý kiến gì thắc mắc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chảo Tả M1 khai nhận: Bà là vợ của bị cáo Tần Văn K, về nguồn gốc chiếc xe máy biển kiểm soát 15F1-033.77 đang bị tạm giữ là tài sản chung của hai vợ chồng, sử dụng chung vào mục đích gia đình, khi bị cáo sử dụng xe để chở người Trung Quốc nhập cảnh bà không biết nên đề nghị được trả lại chiếc xe để gia đình có phương tiện đi lại.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tần Văn K, Ngô Gia N và Nguyễn Bảo N2 phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Tần Văn K, Ngô Gia N, Nguyễn Bảo N2; đề nghị xử phạt mỗi bị cáo 12 -15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 24 – 30 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng : Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề xử lý vật chứng của vụ án.

Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước đối với: 01 điện thoại di động của bị cáo Tần Văn K, 02 điện thoại di động của bị cáo Ngô Gia N là công cụ phương tiện dùng vào việc thực hiện phạm tội.

Tịch thu ½ giá trị xe mô tô biển kiểm soát 15F1-033.77 tạm giữ của bị cáo Tần Văn K và trả lại giá trị ½ xe mô tô cho vợ bị cáo là Chảo Tả M1.

Truy thu số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Ngô Gia N do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000009 ngày 07/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Trả lại cho bị cáo Tần Văn K số tiền 555.000 đồng đang tạm giữ do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Về án phí: Bị cáo K được miễn án phí; các bị cáo N, N2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp pháp lý ông Nông Văn D trình bày lời bào chữa cho bị cáo Tân Văn K: Nhất trí với cáo trạng truy tố bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất mức độ, nguyên nhân điều kiện hoàn cảnh phạm tội, bị cáo phạm tội không có tính toán bàn bạc trao đổi trước, khi đi rừng gặp đối tượng người Trung Quốc đặt vấn đề thuê đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, trong vụ án này bị cáo chưa nhận được tiền công; bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của Công an xã T, tỉnh Cao Bằng, xác nhận trong quá trình chung sống tại địa phương thường xuyên phối hợp với lực lượng Công an chính quy trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn xóm, thông tin và phối hợp với Công an xã T bắt giữ nhiều vụ án liên quan đến xuất nhập cảnh trái phép, điển hình 02 vụ án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nhất trí như đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì tại lời khai ban đầu ngày 14/8/2023 bị cáo đã khai người dùng số điện thoại là bị cáo Ngô Gia N. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử bị cáo mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. Về vật chứng chiếc xe mô tô bị tạm giữ, nhất trí như Viện kiểm sát đề nghị. Về án phí: Bị cáo có đơn xin Miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Tân Văn K không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo Ngô Gia N và Nguyễn Bảo N2 không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Viện kiểm sát đối đáp phần tranh luận: Đối với đề nghị người bào chữa áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K là không có căn cứ, vì việc bị cáo khai ra số điện thoại của N là sau khi lực lượng chức năng kiểm tra điện thoại của K, việc này thể hiện thái độ khai báo thành khẩn.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 13/8/2023, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 14/8/2023 và ngày 16/8/2023 đối với N và N2; các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung đối với các bị cáo; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo K và N thể hiện nội dung liên quan đến hành vi các bị cáo thực hiện; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 13/8/2023, Ngô Gia N và Nguyễn Bảo N2 đã nhận lời từ một người đàn ông không biết thông tin về họ tên, địa chỉ, sử dụng số điện thoại 0886 685 731 để đến huyện B, tỉnh Cao Bằng đón 01 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa về đến Hà Nội, tiền công là 15.000.000đ/chuyến. N đã được người đàn ông này chuyển cho ứng trước số tiền 5.000.000đ, số tiền công còn lại do không đón được người nên chưa nhận được, N cũng chưa chia tiền công cho N2. Còn Tân Văn K, sau khi gặp 02 người đàn ông Trung Quốc tại khu vực biên giới, qua trao đổi đã biết họ là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nhưng khi được một người đề nghị chở 01 người còn lại xuống đến thị trấn B để giao cho người khác đưa sâu vào nội địa Việt Nam, hứa hẹn sẽ trả tiền công thì K đã đồng ý. Khi đang điều khiển xe máy biển kiểm soát 15F1- 033.77 chở theo 01 người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép di chuyển đến tổ dân phố F, thị trấn B thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang nên K chưa nhận được tiền công.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo Tân Văn K sinh sống ở khu vực Biên giới Việt Nam- Trung Quốc nên đã được đối tượng người Trung Quốc thuê đưa nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, bị cáo đã sử dụng phương tiện là xe máy để chở 01 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam từ khu vực biên giới đưa đến thị trấn B, B, Cao Bằng để giao cho người khác tiếp tục đưa người Trung Quốc vào sâu nội địa Việt Nam. Bị cáo Ngô Gia N, Nguyễn Bảo N2 không có việc làm ổn định; bị cáo N2 có nhiều mối quan hệ xã hội nên đã được đối tượng không quen biết thuê đưa 01 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép

vào Việt Nam từ thị trấn B, B, Cao Bằng đến đầu cầu T- Hà Nội để giao cho người khác; bị cáo N đã liên hệ với Nguyễn Bảo N2, cả 02 bị cáo đã cùng trao đổi thỏa thuận lên tỉnh Cao Bằng đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, tiền công sẽ được chia đôi và cả 02 bị cáo đã sử dụng phương tiện là xe ô tô để thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc đưa đón người nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì mục đích hám lợi mà các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, mục đích là để đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào sâu nội địa Việt Nam. Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” quy định tại Khoản 1 Điều 348 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc bị cáo nhận đưa, đón công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp và làm ảnh hưởng đến sự chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh đối với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới.

Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo Tẩn Văn K và Ngô Gia N nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Nguyễn Bảo N2: Ngày 03/7/2021, Công an huyện Y, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”, đã hết thời hiệu, đã chấp hành xong được coi là chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Tẩn Văn K: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của Công an xã T ngày 06/11/2023 về việc Tẩn Văn K là một công dân chấp hành tốt chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Từ năm

2021 đến thời điểm trước khi Tần Văn K bị bắt thì là công an viên xóm N, xã T thường xuyên thông tin và phối hợp cùng với Công an xã T bắt giữ nhiều vụ liên quan đến xuất nhập cảnh trái phép tại địa bàn xã T. Ngoài ra, bị cáo hiện nay đang nuôi mẹ già sinh năm 1939 và con nhỏ, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Ngô Gia N và Nguyễn Bảo N2: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi hành vi phạm tội bị phát hiện các bị cáo đã ra đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình cụ thể: ngày 14/8/2023 bị cáo N ra đầu thú tại Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng, ngày 16/8/2023 bị cáo N2 ra đầu thú tại Công an huyện Y, tỉnh Hưng Yên nên cả 02 bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, ngày 07/11/2023, bị cáo Ngô Gia N đã nộp số tiền 5.000.000 đồng do phạm tội mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, bị cáo Nguyễn Bảo N2 có ông nội Nguyễn Bảo H1 là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba; do vậy cả các bị cáo Ngô Gia N, Nguyễn Bảo N2 được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với ý kiến của Người bào chữa đề nghị cho bị cáo Tần Văn K được hưởng tình tiết giảm nhẹ Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ chấp nhận, vì việc bị cáo khai ra số điện thoại của N là sau khi lực lượng chức năng kiểm tra điện thoại của K, việc này thể hiện thái độ khai báo thành khẩn.

[4] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, nguyên nhân phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra. Hội đồng xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có một tình tiết tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng; Đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao và Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội chỉ cần giao cả 03 bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, giám sát và giáo dục cũng đảm bảo tính nghiêm

minh của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ cần xem xét chấp nhận.

Xét ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo Tần Văn K về hình phạt là có căn cứ, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6]. Việc xử lý vật chứng:

Đối với 03 điện thoại di động là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động của bị cáo Tần Văn K, 02 điện thoại di động của bị cáo Ngô Gia N.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 15F1-033.77 tạm giữ của bị cáo Tần Văn K dùng để trở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép là công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước, nhưng xét thấy chiếc xe là tài sản chung của hai vợ chồng bị cáo tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, việc bị cáo sử dụng xe máy để trở người nhập cảnh trái phép vợ bị cáo không biết, nên cần tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô cho vợ bị cáo là Chảo Tả M1.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng do phạm tội mà có của bị cáo Ngô Gia N cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền này tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên lai thu tiền số 0000009 ngày 07/11/2023 .

Đối với số tiền số tiền 555.000 đồng đang tạm giữ của Tần Văn K do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0886.685.731 liên lạc với bị cáo Ngô Gia N để thuê lên Cao Bằng đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, qua xác minh điều tra thì đối tượng sử dụng số điện thoại không chính chủ. Ngoài lời khai của bị cáo thì không có tài liệu nào khác, N cũng không biết thông tin về họ tên, địa chỉ cụ thể của người này nên không đủ căn cứ để tiếp tục điều tra làm rõ.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí:

Các bị cáo Ngô Gia N, Nguyễn Bảo N2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Tần Văn K là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí và tại phiên tòa có đơn xin miễn án phí. Xét thấy yêu cầu của bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Tần Văn K, Ngô Gia N, Nguyễn Bảo N2 phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

*Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Tần Văn K, xử phạt: Bị cáo Tần Văn K: 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 12/01/2024. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Tần Văn K nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

Giao bị cáo Tần Văn K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

*Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ngô Gia N, Nguyễn Bảo N2, xử phạt:

Bị cáo Ngô Gia N: 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 12/01/2024.

Bị cáo Nguyễn Bảo N2: 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 12/01/2024.

Giao 02 bị cáo Ngô Gia N và Nguyễn Bảo N2 cho Ủy ban nhân dân Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa

án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- *Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:*

Đối với Tần Văn K:

+01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO tạm giữ của Tần Văn K”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C;

+ ½ giá trị 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 15F1-033.77, loại xe: Hai bánh từ 50- 175cm³, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE, màu sơn: Đen Đỏ, dung tích xi lanh: 109; số máy: JC43E6239162, số khung: RLHJC4326BY303563, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2011, xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết trầy xước đã cũ (có 01 chìa khóa xe kèm theo). Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 30/8/2023 của Phòng CSGT Công an tỉnh C.

Đối với bị cáo Ngô Gia N: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu: IPHONE 12 PRO MAX và IPHONE 7 PLUS tạm giữ của Ngô Gia N”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

- *Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) do phạm tội mà có đối với bị cáo Ngô Gia N.* Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng 5.000.000đ (năm triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0000009 ngày 07/11/2023 và được khấu trừ khi thi hành án.

- *Trả cho bị cáo Tần Văn K:* Tiền Việt Nam đồng 555.000,đ (Năm trăm năm mươi năm nghìn đồng), gồm:

+ 01 (một) tờ tiền Polymer mệnh giá 500.000,đ (Năm trăm nghìn đồng), có mã số hiệu: YT 15673573;

+ 01 (một) tờ tiền Polymer mệnh giá 50.000,đ (Năm mươi nghìn đồng), có mã số hiệu: LU 19358978;

+ 01 (một) tờ tiền giấy mệnh giá 5.000,đ (Năm nghìn đồng), có mã số hiệu: QN 6238049

(có Kết luận giám định số 523/KL-KTHS ngày 12/10/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh C kèm theo).

- Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chảo Tả M1, trú tại Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng ½ giá trị 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 15F1-033.77, loại xe: Hai bánh từ 50- 175cm³, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE, màu sơn: Đen Đỏ, dung tích xi lanh: 109; số máy: JC43E6239162, số khung: RLHJC4326BY303563, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2011, xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết trầy xước đã cũ (có 01 chìa khóa xe kèm theo). Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 30/8/2023 của Phòng CSGT Công an tỉnh C.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 38 ngày 06 tháng 12 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử.

Các bị cáo Ngô Gia N, Nguyễn Bảo N2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Tần Văn K được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh CB;
- CQANĐT - CA tỉnh CB;
- Phòng HS Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo; người bào chữa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS.

Nông Biên Hòa

